| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GIỒNG TRÔM**<br>TỈNH BẾN TRE | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 50/2018/DS-ST
Ngày: 08-5-2018
V/v tranh chấp vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Thế Hồng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Công Luận

Ông Bùi Văn Dệt

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Minh Thơ, Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại hội trường xét xử, Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2018/TLST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2018 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng S;

Trụ sở chính: 266 - 268, N, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn D– Tổng Giám đốc Ngân hàng S.

Ủy quyền cho ông Nguyễn C– Giám đốc Ngân hàng S - Chi nhánh Bến Tre (theo văn bản ủy quyền số: 3905/2017/GUQ-PL ngày 14/12/2017 của bà Nguyễn D - Tổng Giám đốc Ngân hàng S) khởi kiện.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn T– Chuyên viên quản lý nợ, đại diện theo ủy quyền của Giám đốc Ngân hàng S - Chi nhánh Bến Tre; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn X, sinh năm: 1994; nơi cư trú: ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 12/01/2018, bản tự khai, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng S, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Bảo Thi trình bày:*

Ngày 08/6/2015, bị đơn là bà Nguyễn X có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với Ngân hàng S - Chi nhánh Bến Tre. Ngân hàng S cấp Thẻ tín dụng nội địa F số thẻ 970403-XXXX cho bà Nguyễn X với tổng hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), lãi suất 2,5%/tháng.

Thẻ tín dụng quốc tế được bà Nguyễn X sử dụng chi tiêu nhưng sau đó không thanh toán cho Ngân hàng. Tính đến ngày 12/01/2018, tổng dư nợ của bà Nguyễn X trong việc sử dụng của thẻ trên là 9.213.013 đồng, bao gồm: nợ gốc là:7.012.747 đồng; lãi tín dụng: 2.200.266 đồng.

Do bà Nguyễn X không thực hiện đúng nội dung đã ký kết theo các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng nên toàn bộ dư nợ thẻ tín dụng nêu trên đã chuyển sang quá hạn. Ngân hàng S - Chi nhánh Bến Tre đã nhiều lần yêu cầu bà Nguyễn X thanh toán nợ đúng hạn nhưng không có kết quả. Bà Nguyễn X không có thiện chí thanh toán.

Vì vậy, Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn X phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S - Chi nhánh Bến Tre toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 12/01/2018 là 9.213.013 đồng. Ngân hàng S tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 13/01/2018 cho đến khi bà Nguyễn X thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo thụ lý vụ án và tổ chức các phiên hòa giải nhưng bà Nguyễn X đều vắng mặt không lý do.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 16 tháng 4 năm 2018, bà X cũng vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm được mở lại, bà X vắng mặt, nguyên đơn có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Theo nguyên đơn thì toàn bộ số nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 07/5/2018 là 10.221.103 đồng, trong đó: vốn gốc là 7.012.747 đồng; lãi trong hạn: 2.138.904 đồng; lãi quá hạn: 1.069.452 đồng, hiện tại đều đến hạn thanh toán.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1].Về tố tụng:**

Bà Nguyễn X là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà X.

**[2].Về nội dung:**

Nguyên đơn khởi kiện và nộp kèm theo bản sao Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng do bà Nguyễn X ký ngày 08/6/2015 với Ngân hàng S - Chi nhánh Bến Tre, vay tiêu dùng qua thẻ tín dụng nội địa F, được phê duyệt hạn mức tín dụng với số tiền là 10.000.000 đồng với lãi suất 2,5%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Bà X được cấp Thẻ tín dụng nội địa F số thẻ: 970403-XXXX .

Như vậy, có cơ sở xác định ngày 08/6/2015, giữa Ngân hàng S - Chi nhánh Bến Tre với bà Nguyễn X có thỏa thuận về việc ký hợp đồng tín dụng.

Do Ngân hàng S - Chi nhánh Bến Tre là một tổ chức tín dụng, một pháp nhân hoạt động có đăng ký kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực tài chính, tín dụng nên việc áp dụng pháp luật khi giải quyết tranh chấp được thực hiện theo Luật các tổ chức tín dụng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp*

*luật"*. Do vậy, đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận.

Do bà X vay nợ nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng S - Chi nhánh Bến Tre khởi kiện chấm dứt hợp đồng tín dụng và yêu cầu bà X phải trả nợ theo thỏa thuận của các bên.

Tuy biết thiếu nợ vay của Ngân hàng S - Chi nhánh Bến Tre và Ngân hàng khởi kiện nhưng bà X bỏ mặc, không có ý kiến nên phải chịu hậu quả về việc này.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu đòi nợ của Ngân hàng S và buộc bà X phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S - Chi nhánh Bến Tre số tiền dư nợ thẻ tín dụng của Thẻ tín dụng nội địa F số thẻ: 970403-XXXX tính đến ngày 07/5/2018 là 10.221.103 đồng; trong đó: vốn gốc là 7.012.747 đồng; lãi trong hạn: 2.138.904 đồng; lãi quá hạn: 1.069.452 đồng.

**[3].Về án phí:**

Bà X phải chịu án phí là 5% của số tiền 10.221.103 đồng, được tính là 511.000 đồng.

Ngân hàng S không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 463, 466, 468, 357, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S đối với bà Nguyễn X về việc yêu cầu thanh toán số tiền nợ vay.

Buộc bà Nguyễn X phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S (do Ngân hàng S - Chi nhánh Bến Tre nhận) số tiền là 10.221.103 đồng *(Mười triệu hai trăm hai mươi mốt nghìn một trăm lẻ ba đồng)*; trong đó: vốn gốc là 7.012.747 đồng; lãi trong hạn: 2.138.904 đồng; lãi quá hạn: 1.069.452 đồng.

Kể từ ngày 08/5/2018, bà Nguyễn X còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng S (do Ngân hàng S - Chi nhánh Bến Tre nhận) số tiền lãi trên số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, số thẻ 970403-XXXX theo yêu cầu phát hành thẻ tín dụng đã ký ngày 08/6/2015 giữa bà Nguyễn X với Ngân hàng S cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp Ngân hàng S có điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng S thì lãi suất mà bà Nguyễn X phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng S cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 511.000 đồng *(Năm trăm mười một đồng);* bà X còn phải nộp đủ số tiền này.

- Trả lại cho Ngân hàng S (do Ngân hàng S - Chi nhánh Bến Tre nhận) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0013888 ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thế Hồng**

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.